

SỰ TỒN TẠI TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HÀN PHI TRONG LỊCH SỬ CÁC NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN PHƯƠNG ĐÔNG

Nguyễn Hùng Vương¹

TÓM TẮT

Xuân Thu - Chiến Quốc là thời kỳ lịch sử có dấu ấn đặc biệt trong nền lịch sử Trung Quốc cổ đại với nhiều biến động to lớn, có ý nghĩa mở đường, đặt nền móng cho sự ra đời và phát triển các học thuyết triết học chính trị phương Đông. Đan xen trong bức tranh “Bách gia tranh minh”, Pháp gia là một trong những trường phái lớn nhất, tư tưởng của họ không chỉ có ảnh hưởng lớn đến xã hội đương thời Trung Quốc mà còn ảnh hưởng lâu dài trong quá trình lập quốc và phát triển ở các nước phương Đông đồng văn, trong đó có Việt Nam. Học thuyết Pháp trị với đại diện tiêu biểu nhất là Hàn Phi Tử (280 tr.CN - 233 tr.CN) xuất hiện trên vũ đài lịch sử như là đại biểu đến sau nhưng nhanh chóng được đón nhận, trở thành sự lựa chọn của lịch sử.

Từ khóa: Học thuyết Pháp trị, Pháp gia, Hàn Phi Tử, học thuyết chính trị

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh xã hội giao thời, những chuẩn mực đạo đức xã hội bị băng hoại, cương thường đảo lộn. Các hiện tượng xâm hại chức phận, tước đoạt chức vị, tội giết vua, con giết cha, anh em giết chết lẫn nhau... đã trở thành phổ biến, tạo ra tình trạng xã hội hỗn loạn chưa từng có. Hiện thực nóng bỏng của xã hội đương thời đặt ra những yêu cầu trực tiếp đối với các trường phái tư tưởng quan tâm luận giải, đề xuất giải pháp văn hội trật tự đó. Bức tranh “Bách gia tranh minh” xuất hiện với vai trò của nhiều học thuyết chính trị: Vô vi trị, Kiêm ái, Đức trị... song sự kiêu ngạo của nó đều trở nên bất lực vì không đáp ứng được yêu cầu của thời cuộc. Trong khi đó các cuộc chiến tranh của các chư hầu vẫn diễn ra triền miên, quy mô và sự tàn khốc không ngừng gia tăng, xã hội rối ren, đời sống nhân dân cơ cực bần hàn. Thống nhất Trung Hoa, chấm dứt chiến tranh loạn lạc đã trở thành yêu cầu bức thiết của lịch sử. Trong khoảng khắc lịch sử tương chừng như bé tấc, học thuyết Pháp gia xuất

hiện với đại diện Hàn Phi Tử đã được lịch sử ghi nhận, giải quyết được bài toán lịch sử đương thời đặt ra và có tầm ảnh hưởng lớn trong các nước ở khu vực Đông Á.

2. Vài nét về trường phái Pháp gia và tư tưởng triết học Hàn Phi Tử

2.1. Lược sử tư tưởng trường phái Pháp gia

Sử dụng luật pháp vào việc cai trị nước được phổ biến rất sớm trong thời Xuân Thu (khoảng từ năm 722 đến năm 221 tr.CN). Cột mốc đầu tiên là việc Tử Sản (子產; ? - 522 tr.CN) nước Trịnh đã cho đúc Hình thư - là những đỉnh đồng trên đó khắc hình pháp vào năm 536 tr.CN [1, tr. 50]. Ông được cho là nhà cải cách chính trị ở nước Trịnh, một mặt thực hiện chính sách trọng dụng hiền tài, mặt khác thực thi chính sách pháp luật công khai, công bằng, không phân biệt thường dân và quan lại. Chính sách của ông đã nhanh chóng thu phục được lòng dân. Sau đó Tấn Văn Công (晉文公, 697 tr.CN - 628 tr.CN) cho khắc hình pháp vào vạc đồng. Có thể khẳng định, trong thời kỳ

¹Trường Đại học Sư phạm Hoa Trung
Email: philosophy.hv.ud@gmail.com

Xuân Thu, việc dùng luật pháp cai trị dân chúng trở nên phổ biến và thịnh vượng, hầu như đa số các nước chư hầu đều áp dụng pháp luật làm phương thức cai trị. Trong thời kỳ này còn xuất hiện bộ luật Hành chính đầu tiên (Pháp kinh) được cho là của Lý Khôi (李悝, 455 tr.CN - 395 tr.CN) - Tường quốc của nước Ngụy ban hành năm 445 tr.CN [1, tr. 53]. Từ đây, nền tảng tư tưởng cho trường phái Pháp gia đã từng bước định hình, những cải cách và đổi mới chính trị tại các nước chư hầu thời Xuân Thu - Chiến Quốc làm tiền đề thực tiễn từng bước hình thành những tư tưởng triết học vững chắc cho trường phái Pháp gia. Đặc biệt là những cải cách trong những năm 359 - 350 tr.CN của nhà Tần được đề xướng bởi Thương Ưởng (商鞅; 390 tr.CN - 338 Tr.CN), những cải cách này đã giúp Tần Hiếu Công (秦孝公; 361 tr.CN - 338 tr.CN) củng cố và xây dựng được chính quyền vững mạnh về mọi mặt, từ kinh tế cho đến chính trị, quân sự, thu phục được lòng dân.

Cuối thời Chiến Quốc, Hàn Phi Tử (韩非子; 279 tr.CN - 233 tr.CN) được xem là tập đại thành của phái Pháp gia, là người có công lớn trong việc tiếp thu tính vượt trội của các trường phái tư tưởng “pháp”, “thế”, “thuật” để xây dựng và phát triển hệ thống tư tưởng pháp trị tương đối hoàn chỉnh và tiến bộ so với các học thuyết chính trị đương thời. Kế thừa tính hợp lý của học thuyết Vô vi của Đạo gia, cũng như những tư tưởng pháp trị của thầy mình là Tuân Tử (荀子; 313 tr.CN - 238 tr.CN), Hàn Phi đã xây dựng nên học thuyết Pháp gia có giá trị tiến bộ vượt bậc so với thời đại của ông. Hiện thực của học thuyết này đã được Lý Tư nước Tần áp

dụng triệt để trong cai trị và đạt được thành công lớn. Từ đây, học thuyết Pháp gia bắt đầu được khẳng định và truyền bá khắp nơi, có tầm ảnh hưởng lớn trong các chính sách trị nước của các nhà nước phong kiến Trung Quốc cổ đại và kéo dài đến thời trung và cận đại sau này.

2.2. Hàn Phi Tử - tập đại thành phái Pháp gia

Hàn Phi sinh ra và lớn lên trong thời kỳ cuối của thời Chiến Quốc, giai đoạn Tần Thủy Hoàng (秦始皇; 259 tr.CN - 210 tr.CN) tiến hành thống nhất Trung Hoa. Hàn Phi được mệnh danh là “tập đại thành” của phái Pháp gia. Ông là người học rộng, hiểu nhiều, viết sách rất giỏi nhưng lại không tài về biện luận vì có tật nói ngọng. Hàn Phi rất chuyên tâm nghiên cứu Bách gia chư tử, các trường phái Mặc, Lão, Nho... và đều nắm vững, nhưng Hàn Phi đặc biệt mến mộ phương thức dùng luật pháp cai trị của các nhà tư tưởng phái Pháp gia. Với khả năng chiến luận tuyệt vời, am tường lịch sử, địa lý các nước... trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc tư tưởng pháp trị có trước, kết hợp với những hạt nhân hợp lý trong triết học Đạo gia và Nho giáo của thầy, đồng thời bổ sung tư tưởng cá nhân mình, Hàn Phi đã viết nên tác phẩm để đời mang tên mình “Hàn Phi Tử”.

Là một người yêu nước, Hàn Phi rất ghét những người trị nước không chịu trau dồi làm cho pháp chế sáng rõ, không lo làm cho nước giàu, hưng thịnh, binh mạnh bằng cách trọng dụng nhân tài, chọn người nắm giữ binh quyền xứng đáng. Ông cho rằng, Nho giáo tuy có giá trị nhưng lời văn có thể làm rối loạn luật pháp. Do đó, ông đã dâng tác phẩm của mình lên vua Hàn,

mong nhà vua theo đó mà tiến hành chinh đốn triều đình, xây dựng đất nước. Nhưng vua Hàn cố chấp nên đã không dùng ông. Đến năm 234 tr.CN, trước sự đe dọa tấn công mạnh mẽ của nhà Tần, vua Hàn đã phái Hàn Phi đi sứ sang Tần để thuyết phục Tần Vương Chính (người sau này là Tần Thủy Hoàng) không đem quân đánh chiếm Hàn. Trong khoảng thời gian này, Tần Vương Chính đã đọc được các tư tưởng của Hàn Phi qua các thiên “Cô phần”, “Ngũ đồ” và rất thích thú. Được Lý Tư (李斯; 280 - 208 tr.CN) cho biết tác giả của sách là Hàn Phi, vua Tần liền vội vàng tiến đánh nước Hàn. Thoạt đầu Tần Vương rất muốn trọng dụng Hàn Phi, nhưng sau khi nghe lời gièm pha của Lý Tư và Diêu Cố nên đã giết ông. Sau khi Hàn Phi chết, Lý Tư đã thi hành triệt để học thuyết Hàn Phi để lại và giúp Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa.

2.3. Tư tưởng triết học chính trị Hàn Phi Tử

Trong tác phẩm “Hàn Phi Tử” của mình, Hàn Phi đã tiếp thu cả ba quan điểm, tổng hợp cả ba yếu tố “pháp - thế - thuật” của Công Tôn Ưng, Thuận Đáo, Thân Bất Hại và trình bày hết sức rõ ràng về ba yếu tố trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các tư tưởng, quan điểm của các bậc tiền bối và thêm vào đó phát triển những tư tưởng đặc sắc của riêng mình. Người đời vinh danh Hàn Phi là “tập thế thành” bởi vì công lao và sự tinh tế trong sự tổng hợp ba yếu tố “pháp - thế - thuật”. Theo Hàn Phi, trong phép trị nước, ba nhân tố này có quan hệ mật thiết với nhau cả về nội dung lẫn hình thức. Trong đó, “pháp” là nội dung của chính sách cai trị, còn “thế”, “thuật” là

phương tiện công cụ để đạt mục đích đó. Cụ thể là:

“Pháp” trong tư tưởng Trung Quốc cổ đại được hiểu theo nhiều nghĩa. Theo nghĩa rộng thì “pháp” được hiểu là thể chế quốc gia, chế độ chính trị, theo nghĩa hẹp thì “pháp” là những luật lệ, những quy định mang tính khuôn mẫu do nhà nước (mà cụ thể là vua) ban hành, với tư cách là động từ thì “pháp” có nghĩa là tuân theo, thuận tòng. Trong tư tưởng Trung Quốc, Nho gia cũng bàn về “pháp” theo nghĩa là phép tắc, lễ giáo. Điển hình là Khổng Tử và Mạnh Tử với chủ trương “pháp tiên vương” tức noi theo người xưa, họ thường lấy gương Nghiêu, Thuấn để răn dạy các vua đời sau làm theo; còn Tuân Tử thì chủ trương “pháp hậu vương”, trọng thực tế, việc trị nước phải tuân theo thời thế. Danh gia quan niệm “pháp” là khuôn mẫu và có bốn loại gọi là “tứ trình”: một là, pháp bất biến là ngôi thứ quân thần thượng hạ; hai là, pháp chinh đốn tập tục là năng lực coi thường đồng dị; ba là, pháp trị số đông là thưởng phạt; bốn là, pháp thuế bình chuẩn là luật đo, cân, đếm [2, tr. 11]. Về phần mình Pháp gia cho rằng: “pháp” vừa là khuôn mẫu, mô phạm, vừa là ngay thẳng, trừng phạt và khen thưởng. Bên cạnh đó “pháp” còn được hiểu với ý nghĩa rộng hơn, đó là “biến pháp đổi tục”. Hàn Phi viết: Pháp luật không hòa theo người sang... khi pháp luật được thi hành thì kẻ khôn cũng không dám tranh. Trùng trị cái sai không tránh kẻ đại thần, thưởng cái đúng không bỏ sót kẻ thất phu [3, tr. 62], lý giải vì sao pháp luật có thể thực hiện được.

Hàn Phi lập luận rằng thuyết nhân trị không còn phù hợp trong thời đại của

ông. Dựa vào thuyết nhân khẩu mà ông lý giải: thời thượng cổ, dân thưa thớt, tài sản ít nên con người sống với nhau hiền hòa, giúp đỡ lẫn nhau và tôn sùng các vị vua giàu đức độ như vua Nghiêu, vua Thuấn; nhưng bây giờ thời thế đã khác, dân số đông đúc, của cải tích lũy ngày càng nhiều nên con người tranh giành nhau, mưu lợi cái riêng cho mình mà điển hình là các cuộc thôn tính diễn ra giữa các nước chư hầu. Mặt khác, ông cho rằng thời Nghiêu, Thuấn tồn tại cách thời đại của ông đã mấy ngàn năm lịch sử, sự hiểu biết về họ cũng chỉ là truyền thuyết không thể xác thực được. Chính vì vậy, cai trị ngày nay mà áp dụng phương thức của thời đại khác là không phù hợp, cai trị thời nay cần phải cứng rắn ban hành luật pháp một cách rõ ràng nhằm lập lại trật tự xã hội, đưa mọi việc vào khuôn khổ, phép tắc.

Đoạn tuyệt với những quan điểm của Nho giáo là không áp dụng lễ với thứ dân, không dùng hình với đại phu. Hàn Phi cho rằng pháp luật phải khách quan, phổ biến, rõ ràng và công bằng, cả quan và dân đều phải công bằng trước pháp luật. Bên cạnh đó, ông yêu cầu pháp luật phải khách quan và mang tính phổ biến, truyền bá rộng rãi cho dân chúng được biết. Hàn Phi viết: “Pháp luật không gì bằng bày ra rõ ràng (...). Vì vậy bậc vua sáng nói đến pháp luật thì những người thấp hèn trong thiên hạ không ai không nghe, không biết, chứ không phải chỉ là đầy ở công đường mà thôi” [3, tr. 457-458]. Tính minh bạch của pháp luật cũng là yếu tố cần thiết, pháp luật phải rõ ràng để ai đọc, ai nghe cũng hiểu: “Những điều chỉ có người hiền mới có thể hiểu được thì không thể dùng làm pháp luật, vì dân

không phải tất cả đều hiền” [3, tr. 392], “Pháp luật rõ ràng thì người hiền không cướp của kẻ kém, người mạnh không hiếp kẻ yếu, người đông không thể hung bạo với kẻ ít” [3, tr. 289]. Chính nhờ pháp luật rõ ràng mà mọi người đều được bình đẳng trước pháp luật, người thiện, mạnh, đông không vì những lợi thế của mình mà ức hiếp kẻ kém, yếu và ít, những người yếm thế. Những đặc tính của pháp luật mà Hàn Phi nêu lên mang đặc điểm pháp chế trong nhà nước pháp quyền đương đại, thể hiện sự tiến bộ vượt bậc của triết gia cổ đại.

Tuy chưa đưa ra một khái niệm cụ thể nhưng Pháp gia cũng đã bàn về “thế”. Trong thiên “Nạn thế”, có thể hiểu thế là địa vị, quyền hành của người cai trị, là sức mạnh của đất nước... nó có thể thay thế được bậc hiền trí mà trị vì thiên hạ. Trong sách “Hàn Phi Tử”, có lúc Hàn Phi gọi “thế” là “thế vị”, có lúc là “uy quyền”, “uy thế” hoặc “thế trọng”... Tất cả đều nói về quyền thống trị hay chủ quyền. Theo Hàn Phi, “thế” trước hết là thế lực, quyền uy của kẻ cầm quyền, là sức mạnh ủng hộ của nhân dân, quần thần, là thế của quốc gia, xu thế của lịch sử. Thế của vua làm cho dân và người hiền thần phục chứ không phải sự nể phục vì đạo nghĩa hay tài giỏi. Ông nêu ra ví dụ: Lỗ Ai Công là một ông vua hạng thấp, nhưng không ai dám không chịu thần phục vì dân vốn từng bị phục tùng người quyền thế. Bởi thế Trọng Ni hiền mà phải làm bầy tôi, còn Ai Công dở mà cứ làm vua. Trọng Ni thờ Ai Công không phải vì khen đạo nghĩa mà phải phục tùng cái thế của Ai Công [3, tr. 83]. Do đó, hiền trí cao chưa đủ để thuyết phục thiên hạ, còn thế lực và địa vị lại đủ để khuất phục người

hiền. Bởi vậy, trong “Nạn thế”, ông viết: Những kẻ cai trị đại đa số là những người trung bình. Trái lại, nếu không có uy vũ thì đến Nghiêu Thuấn chất chứa trong mình đầy “chữ nhân” vẫn không thể thuyết phục được thiên hạ: “Nghiêu khi làm kẻ thuộc hạ mà giáo dục thì dân chúng không nghe, nhưng khi quay mặt về hướng nam làm thiên tử thì lệnh ban ra được thi hành” [3, tr. 247].

Theo Hàn Phi “thế” gồm có hai thành tố là thế tự nhiên và thế do con người tạo ra. Thế tự nhiên là cái có sẵn, là quyền lực tự nhiên do trời ban cho và được chuyển giao thế tập qua các thế hệ cai trị như vua Nghiêu, vua Thuấn. Nhưng điều đó thì ngàn đời chỉ có một, còn thực tế cai trị xã hội là những người trung bình, đức độ không bằng Nghiêu, Thuấn, nhưng cũng không tệ như Kiệt, Trụ mà muốn trị được nước an dân thì phải dùng đến một loại thế khác, thế do con người lập ra. Chính vì lẽ đó, vua phải ra sức củng cố uy quyền, không ngừng nâng cao địa vị và vai trò của mình trong việc cai trị đất nước thông qua việc ban hành pháp luật rõ ràng, thi hành pháp luật nghiêm minh và hơn nữa là phải sử dụng các thuật cai trị.

“Thuật” là một trong những phạm trù triết học chính trị đặc sắc của Trung Hoa nói chung và của Pháp gia nói riêng. Cùng với “pháp” và “thế”, “thuật” trở thành thế chân vạc trong tư tưởng pháp trị của Pháp gia. “Thuật” được hiểu là phương pháp, thủ thuật, cách thức, mưu lược điều khiển công việc và dùng người, khiến người triệt để, tận tâm thực hiện hiến lệnh của nhà vua mà không hiểu vua dùng họ như thế nào [4, tr. 369]. Tiếp nối tư tưởng của Thân Bất Hại, Hàn Phi phát triển phạm

trù “thuật” lên cao và sử dụng khái niệm này theo đúng nghĩa là thủ đoạn chính trị của một ông vua, đó là cách thức, phương pháp, mưu lược trong việc tuyển người, dùng người, giao việc, xét đoán sự vật, sự việc mà nhờ đó pháp luật được thực hiện và nhà vua có thể trị quốc, bình thiên hạ. Trong “Định pháp”, Hàn Phi viết: “Thuật là nhân trách nhiệm mà giao chức quan, theo tên gọi mà yêu cầu sự thực, nhằm lấy cái quyền cho sống và giết chết, hiểu rõ năng lực của bầy tôi, đó là điều vua cần nắm lấy” [3, tr. 184]. Còn ở thiên “Nạn tam”, ông viết: “Thuật trị nước là cái giấu trong bụng con người để kết hợp các đầu mối và ngầm chế ngự bầy tôi”. Theo nghĩa đó thì “thuật” có hai nội dung căn bản là “kỹ thuật” và “tâm thuật”. Trong đó, “kỹ thuật” là nghệ thuật điều khiển, sai khiến bề tôi; còn “tâm thuật” là cách thức nhà vua kiểm chế, giấu kín cảm xúc trong lòng không để bầy tôi biết, do đó bề tôi không thể lợi dụng những sơ hở của vua để mua chuộc, lộng hành.

Đặc điểm nổi bật Pháp gia là dùng “pháp” và đề cao pháp luật, do đó “pháp” đứng ở vị trí trung tâm trong mọi tư tưởng và hành động. Dưới con mắt của Pháp gia thì “pháp” vừa là phương tiện vừa là phương pháp để nhà cầm quyền thực thi quyền lực chính trị của mình. Nội dung trụ cột của tư tưởng Pháp gia là mối quan hệ chân kiềng “pháp - thuật - thế”. Nhưng trước khi trở thành một hệ thống triết học chính trị thì cả ba phạm trù này cũng phải trải qua một quá trình hình thành và phát triển lâu dài, từ sự phát sinh mang tính độc lập đến sự tổng hợp bởi Hàn Phi thành hệ thống tư tưởng pháp trị. “Pháp - thuật - thế” là các yếu tố trong một hệ

thống mang tính chỉnh thể, chúng có tương quan mật thiết với nhau như nội dung với hình thức, mục đích với phương tiện. Trong đó, “pháp” là nội dung của chính sách cai trị, “thế”, “thuật” là phương tiện để thực hiện chính sách đó. Bộ ba “pháp”, “thuật”, “thế” đều là công cụ của đế vương. Đưa “pháp - thế - thuật” thành hệ thống không chỉ là thành công của Hàn Phi mà còn là giá trị chính yếu của học thuyết pháp trị. Giá trị của học thuyết cũng không chỉ dừng lại với tư cách là hệ phái tư tưởng thuộc kiến trúc thượng tầng của giới địa chủ theo khuynh hướng quý tộc đương thời mà nó còn là thuật cai trị có thể vận dụng trong nhiều tình huống chính trị, ở những giai đoạn lịch sử khác nhau.

3. Triết học chính trị Hàn Phi Tử trong hành trình lịch sử các nhà nước phong kiến phương Đông

Hàn Phi đã đề cao vai trò của pháp luật và chủ trương dùng pháp luật hà khắc để cai trị đất nước. Pháp trở thành một phạm trù quan trọng nhất với ý nghĩa là những quy tắc bắt buộc cứng rắn bắt buộc mọi người phải tuân theo. Ông đã trở thành người cực đoan khi phủ nhận vai trò của đạo đức, thậm chí còn chấp nhận thủ đoạn dùng cái ác đối phó với cái ác để thiết lập trật tự xã hội dưới quyền lực tuyệt đối của nhà vua. Pháp trị là học thuyết thực hiện chủ nghĩa quân chủ chuyên chế, nhằm xóa bỏ tình trạng cát cứ trên cơ sở lấy pháp luật làm công cụ chính yếu, là vũ khí lý luận sắc bén để nhà Tần thống nhất Trung Quốc. Tần Thủy Hoàng đã biết sử dụng pháp trị tại thời điểm cần thiết nhất và áp dụng những biện pháp chuyên chế mạnh. Mặc dù thủ đoạn có

sự tàn bạo, trái với ý dân nhưng mục đích và hiệu quả lại thuận ứng với trào lưu của thời đại. Sau khi thống nhất đất nước, Tần Thủy Hoàng tiếp tục sử dụng học thuyết pháp trị vào việc trị nước, “Dĩ pháp trị quốc” trở thành lý luận thống trị của nhà Tần. Từ đây về sau, vua tôi các đời ít nhiều đều vận dụng Pháp gia vào việc cai trị và đạt được những thành công nhất định. Các vua nhà Tần đã dựa vào đó để làm cơ sở hoạch định các chính sách xã hội trên các lĩnh vực: pháp luật, hình phạt, nông nghiệp và chiến tranh, tạo thành một đường lối chính trị có tính tổng hợp “pháp, hình, nông, chiến” độc đáo trong lịch sử Trung Quốc. Sau khi lên ngôi, Tần Thủy Hoàng đã bắt tay xây dựng một đế chế phong kiến hùng mạnh đa dân tộc với dân tộc Hán làm chủ thể, tôn trọng triệt để hệ thống pháp luật và quyền lực tuyệt đối của nhà vua. Nhà Tần bắt đầu tiến hành xây dựng bộ máy nhà nước phong kiến tập quyền thống nhất theo tinh thần “thư đồng văn, xa đồng quỹ” tạo nên hệ thống quyền lực và mạng lưới thống thị hình kim tự tháp mà đỉnh cao quyền lực là vua cùng cơ cấu lãnh đạo mới: ở triều đình là các chức quan tam công cửu khanh, ở địa phương lập ra quận thú và huyện lệnh. Chế độ nhà Tần được phân cấp thành ba cấp cơ bản cấu thành nên là chế độ quan lại, chế độ quận huyện và chế độ đẳng cấp, có ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều đời sau, trong đó chế độ quận huyện vẫn còn lưu giữ cho đến ngày nay. Chế độ ba cấp này hỗ trợ, bổ sung cho nhau, đồng thời hỗ trợ chế độ pháp luật, văn hóa, xã hội và kinh tế. Đổi mới chế độ và ban hành pháp luật là thành quả quan trọng và cao nhất mà Tần Thủy Hoàng

đạt được dưới những điều kiện lịch sử đương thời. Ông đã thực hiện hóa một cách toàn diện lý luận về nhà nước và pháp luật đầu tiên trong lịch sử thế giới, thiết lập mô hình nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên trong lịch sử. Từ đây về sau các bậc đế vương đều noi theo khuôn mẫu triều Tần để trị nước. Những sáng tạo của phái Pháp gia nhà Tần trở thành thứ trung tâm nhất của các triều đình phong kiến Trung Hoa sau đó. “Từ nhà Hán đến nhà Thanh, nhân trị thắng pháp trị, không có sự tồn tại của nhà nước pháp trị. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là lý thuyết pháp trị không có ý nghĩa. Trong thời kỳ này, các triều đại Trung Hoa tổ chức nhà nước theo nhà nước nhân trị là chính thống nhưng vẫn kết hợp những yếu tố nhất định của nhà nước pháp trị, đã dung hòa nhà nước nhân trị của Khổng và nhà nước pháp trị của Hàn, dùng chính sách chuyên chế, cực tôn quân của Hàn mà cũng dùng Tứ thư, Ngũ kinh để dạy dân, một mặt bắt dân phải tận trung với vua nhưng một mặt phải nhận rằng vua phải được lòng dân, theo ý dân, yêu dân” [1, tr. 335]. Thời nhà Hán, các nhà chính trị như Tiêu Hà, Tào Khâm, Giả Nghị đều công nhận tư tưởng và phương pháp của Pháp gia để cai trị. Các vua sáng nghiệp cũng như các chính khách lỗi lạc có quan điểm đối lập nhau như Khổng Minh, Tào Tháo đều là những người áp dụng tư tưởng Pháp gia và thu được nhiều kết quả, trở thành cơ sở để củng cố, phát triển các triều đại Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, có ảnh hưởng lớn đến các hình thức đế quốc phong kiến và trở thành linh hồn của tư tưởng pháp luật phong kiến Trung Hoa.

Các nước phương Đông, do đặc điểm sản xuất nông nghiệp, nhu cầu quản lý chung với việc dẫn thủy ở các sông lớn vào các thung lũng, đồng bằng, đã xúc tiến việc hình thành sớm hơn đối với một chính thể quân chủ chuyên chế. Những quốc gia tiên tiến hấp dẫn các quốc gia lạc hậu, đó là quy luật. Trong lịch sử văn minh nhân loại, các dân tộc đều có khuynh hướng đến và học tập theo các mô hình điển hình, tiên tiến của khu vực và thời đại. Trung Quốc là một trong những nền văn minh sớm nhất trên thế giới, là một trong ba cái nôi văn minh lớn của nhân loại còn tồn tại tới ngày nay. Phản ánh quy luật này, thời cổ đại Trung Quốc đã trở thành trung tâm hấp dẫn các dân tộc châu Á đến để học tập, hội lưu vào dòng thức phát triển của nhân loại. Chính vì vậy, “Triết lý chính trị ở Trung Hoa cổ đại có ảnh hưởng lớn đến đời sống chính trị nhiều quốc gia phương Đông như Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên, Hàn Quốc, đặc biệt là ảnh hưởng của triết lý Nho giáo và triết lý Pháp gia” [6, tr. 8]. “Thiên triều từng là nguồn mạch của mọi quy chiếu về văn hóa, chính trị cũng như đạo lý” [7, tr. 19] để trên cơ sở đó hình thành vòng cung văn hóa ảnh hưởng Trung Hoa gồm: Nhật Bản, Việt Nam và Triều Tiên - được coi là các nước “đồng chủng, đồng văn” và được mệnh danh là chủ nghĩa chuyên chế phương Đông (Oriental Despotism).

Nằm trên vòng cung Đông Bắc Á, Triều Tiên - đất nước mang tên “Buổi sáng tươi đẹp” là một trong những nền văn minh lâu đời với lịch sử khoảng 3000 năm. Trong nhiều thế kỷ, Triều Tiên vẫn giữ mối liên hệ mật thiết với Trung Quốc, đồng thời vẫn giữ được

bản sắc của dân tộc mình. Những tài liệu triết học Khổng giáo được tìm thấy trong những tài liệu ghi chép của người Trung Quốc, cho thấy sự tồn tại và ảnh hưởng của Khổng giáo ở đất nước này có từ rất sớm (trong ba vương quốc: Goguryeo, Baekje và Silla). Quốc gia thống nhất Silla đã gửi một nhóm các học giả sang triều nhà Đường - Trung Quốc quan sát trực tiếp việc dạy học và mang về những tập tài liệu ghi chép về các vấn đề này. Sang thế kỷ IV, Cổ Triều Tiên đã chuyển tiếp từ một quần thể phong kiến thành một vương quốc trung ương tập quyền. Thắng lợi trong cuộc giành vương quyền với Hậu Cao Câu Ly, triều đại Cao Ly (918 - 1392) đã chấm dứt sự phân chia bán đảo Triều Tiên gần 1000 năm và thiết lập nhà nước phong kiến thống nhất. Từ đó, lịch sử được tiếp nối bởi các triều đại Triều Tiên (1392), Đại Hàn (1897) cho đến 1910 bị người Nhật thôn tính. Sau khi vương quốc Tân La thống nhất Hàn Quốc (668 - 935) và Koguryo (918 - 1392), Hàn Quốc đã học và thực hiện theo chế độ điển chương ở Trung Quốc. Về pháp luật thì theo luật nhà Đường, thời kỳ sau thì dùng luật nhà Nguyên, Minh. Nho giáo của Hàn Quốc hoàn toàn chịu ảnh hưởng nho thuyết Chu Tử... Chữ Hán được dùng lâu đến thế kỷ XX, các bộ sử lớn như: “Tam quốc sử ký”, “Cao Ly sử”... đều dùng Hán văn để ghi chép. Lịch sử pháp gia Triều Tiên có từ Gyeonggukdaejeon - một cuốn sách luật được biên soạn vào thời nhà Triều Tiên. Thành lập từ 1392, triều đại Joseon đã tiến hành một loạt những cải cách chính trị với mục tiêu xây dựng chính quyền trung ương tập quyền mạnh với vai trò pháp luật được

đề cao trong quản lý xã hội. Nhằm tạo lập cơ sở pháp lý cho hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, vua T'aejo (1292 - 1400) đã ban hành *Bộ luật hành chính* đầu tiên vào năm 1400 và sau đó ban bố sáu bộ *Luật cai trị*, các bộ luật này được vua kế nhiệm T'aejong (1400 - 1418) chỉnh lý, bổ sung. Về sau các vua đời sau như Sejong (1418 - 1450), Songjong (1469 - 1494) cũng lần lượt ban hành các luật mới như: Luật chính thống, Luật quốc gia. Bên cạnh đó các bộ sách chịu ảnh hưởng của Nho giáo Trung Quốc như: *Tam cương hạnh thực* (1432), *Quốc triều ngũ lễ nghi* (1474), *Trị bình yếu lãm* (1441)... cũng được lưu hành rộng rãi như những tác phẩm chủ đạo. Các tác phẩm này đã tạo nên khuôn khổ pháp lý và nguyên tắc cho sự vận hành của thể chế nhà nước và quản lý xã hội. Song song với các biện pháp đó, thể chế lục bộ cũng được triều đình Choson củng cố và chịu điều hành trực tiếp của nhà vua. Trong 468 năm tồn tại của chính quyền Choson thì thế kỷ XV được coi là thế kỷ của sự kiến lập những nguyên tắc và chế độ luật pháp của một mô hình nhà nước mới - thiết lập những nguyên tắc căn bản cho sự vận hành của chế độ quân chủ tập quyền trên nền tảng triết thuyết pháp trị Trung Hoa.

Nhật Bản có chính sách biệt lập với các quốc gia châu Á trong nhiều thế kỷ cho tới thời kỳ mở cửa (1868), chính vì vậy mà Nhật Bản có những nét riêng về văn hóa, phong tục, tập quán cho đến kinh tế và chính trị. Từ thế kỷ VI - VIII, Nhật Bản là nước tập quyền được thành lập và đóng đô ở Asuka, tên nước Yamato đổi thành Nhật Bản. “Năm 646, cuộc cách tân Đại Hóa, thời kỳ này,

Nhật Bản còn tàn dư xã hội thị tộc, lạc hậu hơn Trung Quốc và người Nhật Bản đã học Trung Quốc. Cũng chính thời kỳ này, Nhật Bản khẳng định thời kỳ phong kiến, xây dựng nhà nước trung ương tập quyền” [7, tr. 92], vua được gọi là Thiên Hoàng và có uy quyền tối cao. Thời kỳ Nara (710 - 794), nền văn hóa đạt được thành tựu lớn nhờ vào việc kết hợp các yếu tố Trung Hoa và Nhật Bản, bộ luật Ritsuryo được ban hành, văn hóa nhà Đường được du nhập ào ạt và tạo động lực phát triển mạnh mẽ văn hóa bản địa. Trong thời Yodo, triết học Nho giáo có xu hướng đồng nhất với phong trào phục hồi Thần đạo và nền quân chủ. Nhật Bản chịu nhiều ảnh hưởng bởi các bộ luật được vay mượn từ Trung Quốc, các bộ luật này đã mục nát theo thời gian và biến đổi qua năm thế kỷ sử dụng ở Nhật Bản. Từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI, khuynh hướng phân quyền bắt đầu hiện rõ song đồng thời cũng diễn ra xu thế phát triển tập quyền. Cho dù Mạc phủ (1600 - 1868) đã nỗ lực xây dựng nhà nước trung ương tập quyền vững mạnh nhưng vẫn không xác lập được quyền lực tuyệt đối và ngăn chặn khuynh hướng phân quyền. Trên phương diện tư tưởng Mạc Phủ đã chủ trương hạn chế ảnh hưởng của Phật giáo và Thần đạo và tìm cách mở rộng ảnh hưởng của Nho giáo. Do không có bộ đỡ chính trị vững chắc của một thể chế chính trị tập quyền nên khi vào Nhật Bản, tư tưởng Nho giáo đã biến đổi thích ứng với môi trường chính trị mới. Người Nhật đã tiếp nhận Nho giáo theo cách riêng của mình, kết quả là Nho giáo không thể trở thành hệ tư tưởng chính thống trên bình diện quốc gia cũng như giữ vị trí tư tưởng độc tôn

ở Nhật Bản. Cho dù là như vậy, trong thế kỷ XVI công tác xây dựng luật vẫn được tăng cường mạnh mẽ và ghi lại dấu ấn đậm nét của học thuyết pháp trị trong việc đề cao các hình phạt, đặc biệt trong bộ luật Vũ Gia (Buke - Hatto) - luật pháp không phải cái gì khác hơn là sự biểu thị ý chí của một thủ lĩnh chủ đạo trong tình trạng chiến tranh. Cũng như luật pháp của phong kiến Trung Quốc và các quốc gia trong khu vực, pháp luật của Nhật Bản thời kỳ này đảm bảo tính công khai phân biệt đẳng cấp xã hội một cách khắc nghiệt. Trong thời kỳ đầu Yedo, những người thuộc đẳng cấp hạ tiện như thị dân và nông dân nếu phạm tội xúc phạm hoặc ứng xử thô bạo thì có thể bị tội chém, “điều luật này theo dân gian là *kirisutegomen* hoặc là *được phép chém bỏ*”.

Việt Nam có vị trí địa lý “núi liền núi, sông liền sông” với Trung Quốc, thủy bộ liên thông, văn hóa tương đồng. Từ thời Tần - Hán, trong suốt hơn 1000 năm Bắc thuộc, Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn từ văn hóa Trung Quốc, từ chữ viết, phong cách sinh hoạt cho đến lễ nghĩa. Ở nước ta, từ thời Lê sơ, trên nhiều phương diện: thiết chế chính trị, luật pháp, giáo dục, kinh tế... của các quốc gia Đại Việt đều thể hiện những dấu ấn Trung Hoa với nhiều chính sách và biện pháp tương tự chính quyền Choson ở Triều Tiên. Chính quyền Lê sơ kiên quyết thiết lập thiết chế chính trị từ chế độ quân chủ quý tộc thời kỳ Lý - Trần sang chế độ quan liêu quân chủ tập quyền. Với nhãn quan chính trị và văn hóa vượt bậc, Lê Thánh Tông đã đưa Nho giáo lên vị trí thống trị xã hội về mặt tư tưởng, làm nền tảng cho việc tổ chức bộ máy nhà nước và các

mặt hoạt động của đất nước. Lê Thánh Tông đã chỉ đạo việc biên soạn, ban hành luật pháp, nhằm thể chế hóa nhà nước phong kiến Đại Việt với truyền thống nhân nghĩa lấy dân làm gốc. Đặc điểm chính trị thời Lê Thánh Tông là sự tập trung quyền lực của vua, về tư tưởng dựa trên nền tảng tư tưởng Nho giáo. Đến thời nhà Nguyễn dù chịu ảnh hưởng ít nhiều các tổ chức nhà nước của phương Tây nhưng nhìn chung vẫn là một nhà nước quân chủ chuyên chế phong kiến. Bộ máy chính quyền trung ương được giữ nguyên như các triều đại trước đã chứng tỏ sự đặc dụng cho một nền quân chủ tập quyền triệt để do Gia Long và Minh Mệnh thiết kế, đặt nền móng và thực thi. Nhà Nguyễn ra sức phục hồi và phát triển, lấy Nho giáo làm khuôn vàng thước ngọc cho cai trị và giáo dục. Mặc dù tư tưởng chính trị Nho giáo chủ yếu dựa vào đức trị, lễ trị nhưng trên thực tế bao giờ cũng được bổ sung bằng những hình pháp của phái Pháp gia. Hệ thống pháp luật Việt Nam thời quân chủ được xây dựng trên cơ sở tham khảo pháp luật Trung Quốc nhưng có sự sáng tạo phù hợp với xã hội Việt Nam. Cũng giống như ở Trung Quốc trong thể chế chính trị cai trị, ở Việt Nam phong kiến thì vua được coi là thiên tử thay trời cai quản xã hội, do vậy về nguyên tắc mọi chính sách trực tiếp hay gián tiếp đều phải do vua đích thân quyết định - mô hình chính trị Trung Hoa đã được Việt hóa và phát triển để khẳng định ngai vàng của *Hoàng đế nước Nam*, người trị vì “*vuông quốc phía Nam*” theo mệnh trời.

Triết học chính trị của trường phái Pháp gia đạt được những tiến bộ vượt

bật so với các triết thuyết cùng thời, nó giải quyết được những vấn đề mà thực tiễn xã hội Trung Quốc cổ đại đang đặt ra, giúp Tần Thủy Hoàng thực hiện thành công sứ mạng thống nhất Trung Hoa. Sự kiện này đã phần nào tạo ra sức hút đối với các nhà nước phong kiến phương Đông trong việc tìm kiếm phương thức cai trị xã hội đương thời, các nhà nước phong kiến Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên là những nước chủ động học hỏi, áp dụng trong suốt chiều dài lịch sử trung đại của họ, bảo vệ quyền lực tối cao của đảng cầm quyền. Tùy vào điều kiện và văn hóa đặc trưng, mỗi nhà nước phong kiến phương Đông có những phương thức phát huy hoặc kiềm chế mức độ ảnh hưởng, là tư tưởng chính thống hoặc không chính thống... Nhưng nhìn chung, trong các nhà nước phong kiến đều thừa nhận giá trị của học thuyết Pháp trị và đề cao những tư tưởng về phân chia quyền cai trị và hiệu lực của pháp luật. Ở Việt Nam, quá trình du nhập triết học có phần thụ động, gắn liền với quá trình xâm lược của các triều đại phong kiến Trung Quốc. Khi vào nước ta, tư tưởng triết học chính trị Pháp gia đã phát huy giá trị và là công cụ đắc lực trong giáo hóa và cai trị nhân dân.

4. Kết luận

Tuy xuất hiện muộn màng trong trào lưu “*Bách gia chư tử*” nhưng triết pháp trị đã được lịch sử nhanh chóng đón nhận, trở thành ngọn cờ tư tưởng của Trung Hoa thời cổ đại và là nền tảng tư tưởng của các chế độ phong kiến phương Đông. Dù rằng không được phổ biến rộng rãi trong quần chúng và ảnh hưởng lớn trong đời sống các tầng lớp nhân dân như Nho giáo,

song tư tưởng pháp trị nói chung, tư tưởng chính trị của Hàn Phi Tử nói riêng có vai trò lớn lao trong lịch sử các nhà nước phong kiến phương Đông. Vai trò đó được đề cao khi giai cấp phong kiến thống trị chấp nhận nó làm học thuyết dẫn đường trong cai trị, quản lý xã hội; vai trò đó cũng luôn được coi

trọng trong những thời kỳ lịch sử nhất định, giai cấp phong kiến về danh nghĩa phê phán nó nhưng trong thực tế vẫn sử dụng nó như một biện pháp cai trị chủ yếu mà lịch sử phong kiến ở Trung Quốc và các nước Á Đông đã minh chứng điều này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hiến Lê, *Giản Chi* (1994), *Hàn Phi Tử*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội
2. Doãn Văn Tử (1962), *Chư tử tập thành*, tập 6, Nxb Trung Hoa Thư cục, Bắc Kinh
3. Hàn Phi (Phan Ngọc - dịch, 2005), *Hàn Phi Tử*, Nxb Văn học, Hà Nội
4. Doãn Chính (Chủ biên, 2012), *Lịch sử triết học phương Đông*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
5. Bùi Ngọc Sơn (2004), *Triết lý chính trị Trung Hoa cổ đại và vấn đề Nhà nước pháp quyền*, Nxb Tư pháp, Hà Nội
6. Yoshiharu Tsuboi (1990), *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*, Ban Khoa học Xã hội Thành ủy TP. Hồ Chí Minh
7. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Kim (2004), *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*, tập 2, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

HAN FEI'S POLITICAL DOCTRINE IN THE HISTORY OF ORIENTAL FEUDAL STATES

ABSTRACT

The Spring-Autumn and the Warring States were special periods with great changes in Ancient China, which paved the way and laid the foundation for the birth and development of oriental political philosophy theories. Interwoven in the picture "the hundred schools of thought", Legalism was one of the largest schools whose thoughts not only had a great impact on the contemporary society of China but also had a long-term influence in the process of establishing and developing in Eastern countries, including Vietnam. The Legalism doctrine with the greatest representative Han Fei Zi (280-230 B.C) appeared on the historical stage as a latecomer but received a big welcome and became the choice of history.

Keywords: *Legalism doctrine, Legalism, Han Fei Zi, political philosophy theories*

(Received: 16/4/2019, Revised: 7/6/2019, Accepted for publication: 12/3/2020)